| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THUẬN THÀNH**<br>**TỈNH BẮC NINH** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 05/2019/QĐST- HNGĐ | *Thuận Thành, ngày 11 tháng 01 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 150/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa:

**Nguyên đơn**: Anh Nguyễn Đăng M SN 1975

**Bị đơn**: Chị Duy Thị Ch SN 1981

Đều địa chỉ: Thôn Ng - xã A - huyện Th - tỉnh B.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81,82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01năm 2019.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đăng M và chị Duy Thị Ch.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ vợ chồng:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đăng M và chị Duy Thị Ch.

- **Về con chung**: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Đăng M và chị Duy Thị Ch, giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 23/4/2006 và Nguyễn Đăng Ph, sinh ngày 04/6/2009 cho anh M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung anh M không yêu cầu chị Ch đóng góp cùng anh. Chị Ch được quyền đi lại thăm nom con chung.

- **Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất nông nghiệp**: Anh Nguyễn Đăng M và chị Duy Thị Ch đều không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh M tự nguyện trích chia công sức trong thời gian chung sống cho chị Duy Thị Ch số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật , người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án , nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tạ i Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về án phí**: Anh Nguyễn Đăng M tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 01393 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

( Đã ký)

**Nguyễn Huy Tuấn**

**Nơi nhận**:
- *TAND tỉnh*
- *VKSND huyện*
- *Chi cục THADS*
- *UBND xã A*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS*